

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 4 - 2018
V/v Xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyền

Ông Đoàn Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Minh Th**, sinh năm: 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: D58, khu dân cư làng CV, phường VQ, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **VO QUOC M**, sinh năm: 1983 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 327 L.KDr, Houma l 70363, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trịnh Minh Th trình bày:

Chị và anh VO QUOC M tự quen biết và chung sống với nhau vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 14/3/2017.

Trong quá trình chung sống giữa anh chị thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, dẫn đến bất hòa, mặc dù rằng anh chị đã cố gắng dàn xếp để vợ chồng hạnh phúc, nhưng sự cố gắng đó không thành, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng.

Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được, nếu tiếp tục kéo dài sẽ gây đau khổ cho cả hai bên. Nên chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết những việc sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh VO QUOC M.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh VO QUOC M có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với chị Trịnh Minh Th và xác định về con chung, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh VO QUOC M có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án xin ly hôn với nguyên đơn chị Trịnh Minh Th đề ngày 05/02/2018. Trong thời gian này, anh VO QUOC M đang tạm trú tại Việt Nam theo xác nhận của Công an thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn anh VO QUOC M.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Trịnh Minh Th với anh VO QUOC M đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh VO QUOC M, vì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau chỉ được thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và bất hòa trong cuộc sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do đó, chị nhận thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Xét văn bản đồng ý ly hôn ngày 05/02/2018 của anh VO QUOC M, anh đã có lời khai thống nhất với chị Th về quan hệ hôn nhân, tình cảm vợ chồng và xác định do cá tính không hợp, có nhiều bất hòa không thể hàn gắn được, nếu cuộc hôn nhân này tiếp tục kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th và anh VO QUOC M sau khi kết hôn thời gian chung sống hạnh phúc không lâu, thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cãi vã và có nhiều bất hòa không thể hàn gắn được, nên vợ chồng không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh VO QUOC M không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng. Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa chị Th và anh VO QUOC M lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể duy trì, hơn nữa cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th đối với anh VO QUOC M.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trịnh Minh Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Phần tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Minh Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Minh Th được ly hôn với anh VO QUOC M.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Minh Th phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0004016 ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị Th không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh VO QUOC M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND thành phố RG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi